

THÔNG TƯ
Quy định chế độ báo cáo thống kê
ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Chế độ báo cáo thống kê về lâm nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thống kê ngành lâm nghiệp; báo cáo thống kê do Tổng cục Lâm nghiệp thu thập, tổng hợp, báo cáo thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Chế độ báo cáo thống kê thiệt hại do thiên tai gây ra thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT- BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra; báo cáo thống kê do Tổng cục Phòng chống thiên tai thu thập, tổng hợp, báo cáo thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Chi cục, tổ chức sự nghiệp có liên quan trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế ở các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

5. Cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến công tác thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 3. Nội dung chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

1. Chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn được thực hiện để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện, hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và tổng hợp các thông tin thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn được quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đơn vị báo cáo và đơn vị nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu báo cáo thống kê.

a) Đối với báo cáo thống kê cấp toàn ngành:

Đơn vị báo cáo: Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đơn vị nhận báo cáo: Trung tâm Tin học và Thống kê.

b) Đối với báo cáo thống kê cấp tỉnh:

Đơn vị báo cáo: Chi cục hoặc cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý chuyên ngành (cấp tỉnh) đối với những địa bàn không có Chi cục quản lý chuyên ngành về lĩnh vực cần báo cáo.

Đơn vị nhận báo cáo: Cơ quan quản lý chuyên ngành liên quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Đối với cấp huyện:

Đơn vị báo cáo: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế ở các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Biểu mẫu báo cáo thống kê

a) Biểu mẫu báo cáo thống kê (sau đây gọi tắt là biểu mẫu báo cáo) quy định cụ thể: Tên báo cáo, kỳ báo cáo, thời hạn báo cáo, đơn vị báo cáo, đơn vị nhận báo cáo, nội dung báo cáo. Biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Ký hiệu biểu mẫu báo cáo gồm phần số và phần chữ. Phần số gồm 2 chữ số dùng để đánh số cho các biểu mẫu báo cáo thuộc từng lĩnh vực, những biểu có số hiệu biểu kèm theo chữ cái in thường (a, b, c, d...) bên cạnh là những biểu có cùng nội

dung nhưng khác phân tử; phần chữ cái in hoa tiếp theo gồm 2 phần, phần bên trái dấu gạch chéo (/) là ký hiệu viết tắt của lĩnh vực, phần bên phải là ký hiệu viết tắt của kỳ báo cáo (tháng - T, quý - Q, năm - N, 5 năm - 5N).

5. Kỳ báo cáo

Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định quy định đối tượng báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo được ghi ở phần giữa của từng biểu mẫu báo cáo và được tính theo ngày dương lịch, bao gồm:

a) Báo cáo thống kê tháng: Được tính bắt đầu từ ngày 01 đầu tháng cho đến hết ngày cuối cùng của tháng đó;

b) Báo cáo thống kê quý: Được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu tiên của quý cho đến hết ngày cuối cùng của quý báo cáo đó;

c) Báo cáo thống kê 6 tháng: Được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 cho đến hết ngày 30 tháng 6;

d) Báo cáo thống kê năm: Được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 cho đến hết ngày 31 tháng 12;

đ) Báo cáo thống kê khác: Báo cáo thống kê có kỳ báo cáo và thời hạn báo cáo được ghi cụ thể trong từng biểu mẫu báo cáo;

e) Báo cáo thống kê đột xuất: Trường hợp cần báo cáo thống kê đột xuất nhằm thực hiện các yêu cầu về quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan yêu cầu báo cáo phải đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ thời gian, thời hạn và các tiêu chí báo cáo thống kê cụ thể.

6. Nguồn số liệu

a) Nguồn số liệu để thu thập, tổng hợp lập biểu mẫu báo cáo được ghi cụ thể trong phần giải thích biểu mẫu của mỗi biểu mẫu báo cáo.

b) Việc thu thập thông tin thống kê từ các nguồn số liệu như sau:

Đối với nguồn số liệu từ điều tra thống kê, đơn vị báo cáo có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức, triển khai điều tra thống kê để thu thập thông tin thống kê, tổng hợp, báo cáo theo biểu mẫu báo cáo đã quy định;

Đối với nguồn số liệu từ cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc quản lý của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn hoặc từ cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phải báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thuộc ngành về kết quả sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật thì cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân đó có trách nhiệm cung cấp thông tin thống kê liên quan cho đơn vị báo cáo theo quy định;

Đối với nguồn dữ liệu từ cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân không thuộc quản lý của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thì đơn vị báo cáo có trách nhiệm liên hệ với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý nguồn dữ liệu đó để thu thập theo các quy định hiện hành.

7. Thời hạn báo cáo

Thời hạn báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng biểu mẫu báo cáo, dưới dòng ký hiệu biểu mẫu. Nếu ngày quy định cuối cùng của thời hạn báo cáo trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần, thì ngày gửi báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ lễ, nghỉ tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần đó.

8. Phương thức báo cáo

Các đơn vị báo cáo gửi báo cáo theo một trong các phương thức sau:

a) Báo cáo bằng văn bản giấy có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng đơn vị báo cáo hoặc dưới dạng tệp tin điện tử được xác thực bằng chữ ký số của thủ trưởng đơn vị báo cáo.

b) Báo cáo trực tiếp trên trang tin điện tử Hệ thống thông tin Thống kê Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi tắt là Hệ thống thông tin Thống kê Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), xác thực bằng tài khoản được đăng ký bởi đại diện đơn vị báo cáo.

Trường hợp hệ thống mạng truyền dữ liệu, phần mềm Hệ thống thông tin Thống kê Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gặp sự cố, các đơn vị gửi báo cáo qua hệ thống thư điện tử hoặc theo hướng dẫn của Trung tâm Tin học và Thống kê, sau đó gửi báo cáo theo quy định tại điểm a khoản này.

Điều 4. Số liệu báo cáo thống kê

1. Số liệu báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn bao gồm số liệu chính thức, sơ bộ và ước tính theo quy định tại các khoản 15, 16 và 17 Điều 3 Luật Thống kê năm 2015.

2. Số liệu báo cáo thống kê phải bảo đảm phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hoạt động các lĩnh vực quản lý Nhà nước thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; phục vụ công tác đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, chỉ đạo, điều hành của Bộ, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và các cơ quan Nhà nước; cung cấp thông tin, dữ liệu theo chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; đáp ứng yêu cầu trao đổi, cung cấp, phổ biến thông tin thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê.

3. Trường hợp chỉnh sửa số liệu đã báo cáo hoặc số liệu trong kỳ báo cáo có biến động khác thường, đơn vị báo cáo phải gửi thuyết minh báo cáo bằng văn bản giấy hoặc tệp tin điện tử theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 3 Thông tư này cho đơn vị nhận báo cáo.

Điều 5. Khai thác dữ liệu, thông tin thống kê

1. Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin thống kê có liên quan.

2. Phương thức khai thác, sử dụng số liệu báo cáo thống kê thực hiện trên Hệ thống thông tin Thống kê Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được phép khai thác, sử dụng dữ liệu,

thông tin có liên quan đến thông tin thống kê đã được công bố trong cơ sở dữ liệu thống kê và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng thông tin, số liệu thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê.

Điều 6. Ứng dụng công nghệ thông tin và bảo mật thông tin thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

1. Hệ thống thông tin Thống kê Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được sử dụng để gửi, nhận, khai thác thông tin, số liệu thống kê theo chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Hệ thống được xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác sử dụng bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu được thông suốt, kịp thời và đáp ứng tiêu chuẩn về an toàn, an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Số liệu báo cáo thống kê và tài liệu liên quan thuộc danh mục bí mật Nhà nước, bí mật của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn phải được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước và quy định tại Điều 57 Luật Thống kê năm 2015.

3. Cá nhân được phân quyền khai thác số liệu báo cáo thống kê trên Hệ thống thông tin Thống kê Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tuân thủ quy định về quản lý mật khẩu truy cập hệ thống và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Vụ Kế hoạch

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện Thông tư này;

b) Tổ chức rà soát danh mục và nội dung các biểu mẫu báo cáo thống kê, đề xuất sửa đổi, bổ sung biểu mẫu báo cáo cho phù hợp.

2. Trung tâm Tin học và Thống kê

a) Đầu mối hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các đơn vị báo cáo thực hiện chế độ báo cáo thống kê; tổ chức tiếp nhận và cập nhật đầy đủ, kịp thời các biểu mẫu báo cáo điện tử vào Hệ thống thông tin Thống kê Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phản hồi kịp thời trên hệ thống về tình trạng gửi, nhận báo cáo điện tử cho đơn vị báo cáo; định kỳ tổng hợp, báo cáo thống kê phục vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ;

b) Chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ lập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và công bố số liệu thống kê tổng hợp theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Chủ trì phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo thống kê thuộc chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, gửi Tổng cục Thống kê theo quy định tại Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

d) Nâng cấp, tổ chức quản lý và xây dựng quy chế vận hành, khai thác Hệ thống thông tin Thống kê Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Tổng hợp và cấp quyền khai thác biểu mẫu, số liệu báo cáo thống kê có liên

quan cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng trên Hệ thống thông tin Thống kê Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

e) Xử lý vướng mắc liên quan đến việc gửi, nhận báo cáo thống kê; ghi và sao lưu nhật ký tiếp nhận báo cáo do các đơn vị báo cáo gửi, nhật ký khai thác sử dụng biểu mẫu, số liệu thống kê của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Trường hợp xảy ra sự cố đường truyền dữ liệu hoặc hệ thống gửi, nhận báo cáo điện tử, phải thực hiện ngay biện pháp để khắc phục sự cố;

g) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê quy định của Thông tư này;

h) Bảo đảm an toàn thông tin và bảo mật thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này;

c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với cơ quan thống kê cùng cấp rà soát, đối chiếu, thống nhất số liệu thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn.

4. Đơn vị báo cáo

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thu thập, tổng hợp thông tin thống kê thuộc lĩnh vực được giao quản lý bao gồm thông tin thống kê của các đơn vị trực thuộc và thông tin thống kê của các đơn vị thuộc quyền quản lý theo phân cấp và theo địa bàn;

b) Thực hiện các quy định về báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này; gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác của số liệu báo cáo thống kê. Trường hợp phát hiện số liệu tại biểu mẫu báo cáo có sai sót cần thông báo cho đơn vị nhận báo cáo, đồng thời phải cập nhật kịp thời và gửi lại báo cáo theo quy định.

5. Đơn vị nhận báo cáo

a) Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị báo cáo chấp hành đúng các quy định về báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này; yêu cầu đơn vị báo cáo kiểm tra, cung cấp lại báo cáo và thông tin liên quan đến báo cáo thống kê khi cần thiết;

b) Thực hiện tổng hợp thông tin thống kê theo các biểu mẫu quy định trong chế độ báo cáo thống kê;

c) Công bố, sử dụng và bảo mật thông tin thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê, bảo vệ bí mật Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

6. Cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 44 Luật

Thống kê năm 2015. Hoạt động thống kê tại cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 65 Luật Thống kê năm 2015.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.
2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
3. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tổng cục Thống kê;
- Các đơn vị liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, KH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh